

Số: 29/2024/QĐST - DS

Hàm Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 136/2023/TLST - DS, ngày 26 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn M2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn M1, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Ngọc Kh – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Ngọc Khanh, đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Số nhà 04, ngõ 195, đường Phan Thiết, tổ 15, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Anh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị Hồng L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M1, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về việc phân chia tài sản chung và chia di sản thừa kế:**

a. Chia cho bà Võ Thị S được quyền quản lý, sử dụng 483,7m² đất thuộc thửa đất số 534, tờ bản đồ số 52, trong đó bao gồm 200m² đất ở và 283,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn M2, xã H, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã

được UBND huyện Hàm Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Thư vào ngày 14/9/1996, trên sơ đồ đo vẽ được thể hiện tại thửa đất số 4 (được giới hạn bởi các điểm 20 – 31 – 32 – 33 – 34 – 35 – 36 – 37 – 38 – 39 – 40 – 25 – 24 – 23 – 22 – 21 – 20). Diện tích 483,7m² đất bà Võ Thị S được phân chia có giá trị là 22.213.200đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*).

Bà Võ Thị S được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản trên 483,7m² đất được phân chia, gồm:

+ 01 nhà xây 1 tầng cấp IV, mái lợp ngói xi măng, tường xây gạch 220mm, xây dựng năm 1990, diện tích 38,08m² có giá trị là: 6.027.654đ.

+ 01 Bếp xây bằng gạch, mái lợp Phi Proximang, tường xây gạch 220mm, xây dựng năm 1990, diện tích 9,6m² có giá trị là: 281.548đ.

- 01 cây Vải, đường kính thân từ 40cm trở lên, có giá là: 1.108.000đ.

- 02 cây Xoài, đường kính thân từ 20cm đến dưới 25cm, có giá là: 450.000đ/cây x 02 cây = 900.000đ.

- 01 cây Xoài, đường kính thân từ 25cm trở lên, có giá là: 600.000đ.

- 01 cây Dừa đã có quả, có giá là: 330.000đ.

- 02 cây gỗ Xoan, đường kính thân từ 21cm đến 30cm, có giá là: 80.800đ/cây x 02 cây = 161.600đ.

- 01 cây Sấu, đường kính thân từ 20cm đến dưới 30cm, có giá là: 1.200.000đ/cây.

- 01 cây Hồng, đường kính thân từ 15 đến dưới 20cm, có giá là: 666.000đ.

Tổng giá trị vật kiến trúc, cây trồng có trên phần diện tích 483,7m² bà Võ Thị S được phân chia có giá trị là 11.274.800đ (*Mười một triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản bà Võ Thị S được phân chia là: 22.213.200đ + 11.274.800đ = 33.488.000đ (*Ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn*).

b. Chia cho ông Lê Anh Q được quyền quản lý, sử dụng:

+ 213,3m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 526, tờ bản đồ số 52 tại thôn M2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Thư vào ngày 14/9/1996, trên sơ đồ đo vẽ được thể hiện tại thửa đất số 1 (được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 1). Đất có giá trị là 5.972.400đ.

+ 538,7m² đất thuộc thửa đất 534, tờ bản đồ số 52, trong đó bao gồm 200m² đất ở và 338,7m² đất trồng cây lâu năm tại thôn M2, xã H, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Hàm Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Thư vào ngày 14/9/1996, trên sơ đồ đo vẽ được thể hiện tại thửa đất số 2 (được giới hạn bởi các điểm 2 – 10 – 11 – 12 – 13 – 14 – 15 – 16 – 17 – 24 – 25 – 26 – 27 – 28 – 29 – 30 – 4 – 3 – 2). Đất có giá trị là 24.193.200đ (*Hai mươi tư triệu một trăm chín mươi ba nghìn hai trăm đồng*).

Tổng giá trị quyền sử dụng thửa đất số 526 và 534 ông Lê Anh Q được phân chia là: 5.972.400đ + 24.193.200đ = 30.165.600đ (*Ba mươi triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm đồng*).

Các tài sản trên 538,7m² đất thuộc thửa đất số 534, tờ bản đồ số 52 ông Lê Anh Q được quyền sở hữu, sử dụng, gồm: 02 cây Vải, đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm, trị giá 1.198.000đ; 02 cây Nhãn, đường kính thân từ 21cm đến 30cm, trị giá 161.600đ và 01 Giếng khơi (tại thời điểm định giá có giá trị 0đ theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản).

Tổng giá trị tài sản (quyền sử dụng đất, vật kiến trúc, cây trồng trên các phần đất) ông Lê Anh Q được phân chia là: 30.165.600đ + 1.359.600đ = 31.525.200đ (*Ba mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm đồng*).

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất mình được phân chia theo quy định của luật Đất đai.

Các đương sự thống nhất sử dụng 31,2m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 534, tờ bản đồ số 52 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn Thư vào ngày 14/9/1996, trên sơ đồ đo vẽ được thể hiện tại thửa đất số 3 (giới hạn bởi các điểm 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 24 – 17) làm lối đi chung, nối liền với đường đất trên sơ đồ đo vẽ để đi ra đường công cộng. Không ai được cản trở việc sử dụng 31,2m² đất này và phần đường đất trên sơ đồ đo vẽ làm lối đi chung để đi ra đường công cộng.

(Việc thỏa thuận phân chia đất có sơ đồ đo vẽ kèm theo, không tách rời bản án).

*** Về chi phí tố tụng:** Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.720.000đ (*Chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng để chi trả. Đại diện nguyên đơn và bị đơn ông Lê Anh Q thỏa thuận mỗi bên chịu ½ tiền chi phí tố tụng: 9.720.000đ : 2 = 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bị đơn ông Lê Anh Q có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn (do bà Võ Thị D đại diện nhận thay) số tiền 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Ghi nhận ông Lê Anh Q đã hoàn trả cho nguyên đơn đủ số tiền chi phí tố tụng là 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Giấy biên nhận tiền ngày 04/4/2024.

*** Về án phí:**

+ Nguyên đơn bà Võ Thị S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được phân chia theo quy định của pháp luật nhưng được miễn toàn bộ do là người cao tuổi.

+ Bị đơn ông Lê Anh Q phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản được phân chia theo quy định của pháp luật là 788.000đ (*Bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng L không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Hữu San